

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Sắn.

Bà Phạm Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị Thu H, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 020186009983, cấp ngày 26 tháng 5 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; cư trú tại: Số C, đường N, khối H, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Kiều D, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 020177000422, cấp ngày 28 tháng 3 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; cư trú tại: Số A, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nông Thị Thu H trình bày:

Ngày 15-01-2025, bà và bà Bùi Thị Kiều D xác lập hợp đồng vay tiền, hợp đồng được công chứng (sau viết tắt là Hợp đồng vay tiền), có nội dung: Bà cho bà Bùi Thị Kiều D vay số tiền là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi

triệu đồng). Thời hạn vay là 03 (ba) tháng, kể từ ngày 15-01-2025. Lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Đến hạn trả nợ, bà Bùi Thị D không trả nợ như đã thỏa thuận mặc dù bà đã nhiều lần đòi nợ.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Buộc bà Bùi Thị Kiều D trả cho bà Nông Thị Thu H tổng số tiền là 682.502.000 đồng (sáu trăm tám mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng), bao gồm: Số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền nợ lãi tính từ ngày 15-01-2025 đến ngày 15-7-2025 với mức lãi suất 10%/năm là 32.502.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng).

Bị đơn bà Bùi Thị Kiều D trình bày (Bản tự khai ngày 19-01-2026): Bà có vay của bà Nông Thị Thu H số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền được lập thành hợp đồng tại Văn phòng C1. Thời hạn vay là 03 (ba) tháng, kể từ ngày 15-01-2025 đến ngày 15-4-2025. Lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng chưa nói rõ lãi suất là bao nhiêu %/năm. Số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng là số tiền tính cả nợ gốc và nợ lãi chót đến ngày làm hợp đồng tại Văn phòng C1. Bà đề nghị trả số tiền 650.000.000 đồng cho bà Nông Thị Thu H trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả từ 10.000.000 đồng trở lên. Bà đề nghị không tính lãi do bà đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nông Thị Thu H yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Kiều D phải trả các khoản tiền sau:

Tiền nợ gốc là: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tiền nợ lãi là: 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Số tiền nợ lãi tính từ ngày 15-01-2025 đến ngày 20-01-2026 được làm tròn là 01 (một) năm. Trường hợp, bị đơn trả ngay cho nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng thì bị đơn không phải trả số tiền nợ lãi là 65.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Kiều D thừa nhận có vay nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng. Bà cho rằng số tiền 650.000.000 đồng là số tiền chót cả nợ gốc và nợ lãi mà bà đang nợ nguyên đơn tính đến ngày lập Hợp đồng vay tiền. Bà sẽ giao nộp tài liệu chứng minh cho Tòa án sau. Chữ ký và chữ viết tại Hợp đồng vay tiền là của bà. Bà tự nguyện xác lập Hợp đồng vay tiền với nguyên đơn. Bà không bị lừa dối, không bị ép buộc khi xác lập Hợp đồng vay tiền. Hiện nay, bà đang gặp khó khăn, đề nghị nguyên đơn không tính lãi đối với số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng. Bà xác định khi xác lập Hợp đồng vay tiền, các bên có thỏa thuận về tính lãi đối với số tiền 650.000.000 đồng nhưng không xác định rõ mức lãi suất cụ thể.

Do bị đơn không có khả năng trả ngay số tiền 650.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) cho nguyên đơn. Kể từ ngày 21-01-2026, bị đơn phải chịu lãi đối với số tiền chưa trả với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng khi vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không có lý do chính đáng, chưa chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 116, 117, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Thu H đối với bị đơn bà Bùi Thị Kiều D. Buộc bị đơn bà Bùi Thị Kiều D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, gồm:

Tiền lãi trong hạn đối với khoản vay 650.000.000 đồng theo thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 15-01-2025 đến ngày 15-4-2025; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16-4-2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của nguyên đơn là 65.000.000 đồng.

Tiếp tục tính lãi đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ, phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: buộc bị đơn bà Bùi Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền theo hợp đồng vay tiền đã xác lập giữa các bên. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau viết tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc xác lập Hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Hợp đồng vay tiền thể hiện rõ việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 650.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền được lập thành văn bản và được công chứng theo quy định. Do đó, việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 650.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ lãi của nguyên đơn: Các bên đều thừa nhận khi xác lập Hợp đồng vay tiền thì các bên có thoả thuận việc tính lãi đối với số tiền cho vay là 650.000.000 đồng nhưng không nói rõ mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu phần trăm trên năm. Do các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Do đó, lãi suất đối với lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, tương ứng với mức lãi suất là 10%/năm. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm với thời hạn chậm trả được làm tròn là 01 (một) năm, với số tiền lãi là 65.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng).

[5] Đối với ý kiến của bị đơn về số tiền 650.000.000 đồng là số tiền chót cả nợ gốc và nợ lãi mà bị đơn đang nợ nguyên đơn tính đến ngày lập Hợp đồng vay tiền: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo như giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để đánh giá về nội dung này của bị đơn.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Thu H.

1. Buộc bà Bùi Thị Kiều D phải trả tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) cho bà Nông Thị Thu H, cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Số tiền nợ lãi tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến ngày 20 tháng 01 năm 2026, được làm tròn 01 (một) năm là: 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nông Thị Thu H được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.650.040 đồng (mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000670 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Bà Bùi Thị Kiều D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.600.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp